

Số: 310/QĐ-CPNT2

Nhơn Trạch, ngày 03 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: **Phê duyệt Yêu cầu báo giá**

Gói thầu: Cung cấp phụ tùng vật tư và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa xe cầu 30 tấn Tadano NMĐ Nhơn Trạch 2

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 02/06/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CPNT2 ngày 05/06/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-CPNT2 ngày 07/06/2024 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy định cụ thể về thực hiện lựa chọn nhà thầu của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-CPNT2 ngày 30/12/2024 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt tạm giao kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-CPNT2 ngày 22/05/2025 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp phụ tùng vật tư và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa xe cầu 30 tấn Tadano NMĐ Nhơn Trạch 2.

Căn cứ Tờ trình số 383/TTr-CPNT2 ngày 30/05/2025 của các phòng chức năng về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Cung cấp phụ tùng vật tư và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa xe cầu 30 tấn Tadano NMĐ Nhơn Trạch 2;

Xét đề nghị của các phòng chức năng tại Tờ trình số 383/TTr-CPNT2 ngày 30/05/2025 về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Cung cấp phụ tùng vật tư và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa xe cầu 30 tấn Tadano NMĐ Nhơn Trạch 2.



QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Cung cấp phụ tùng vật tư và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa xe cẩu 30 tấn Tadano NMĐ Nhơn Trạch 2, với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá gói thầu đính kèm theo quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó giám đốc, Trưởng các phòng chức năng liên quan triển khai các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.
- Điều 3.** Phó Giám đốc, Trưởng các phòng chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, P.TM-TTĐ.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu : Cung cấp phụ tùng vật tư và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa xe cầu 30 tấn Tadano NMĐ Nhơn Trạch 2

Phát hành ngày : 05/6/2025

Ban hành kèm theo Quyết định : 510/QĐ-CPNT2

W **Bên mời thầu** *mrly*



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Thu

CHƯƠNG I. YÊU CẦU NỘP BẢN BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia nộp bản báo giá gói thầu (BBG). Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá (YCBG) này.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu;
Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 của YCBG.
2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

- + Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp;

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

- Hàng hóa cung cấp phải phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu của nhà máy điện NT2, đáp ứng đầy đủ hoặc cao hơn đặc tính kỹ thuật nêu trong Biểu phạm vi cung cấp.

- Danh mục hàng hóa/dịch vụ với các thông số kỹ thuật trong biểu phạm vi cung cấp là các mục hàng hóa/dịch vụ mà PVPower NT2 đang sử dụng hoặc mong muốn sử dụng. Nhà thầu có thể chào đúng loại mã trên hoặc loại có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu sử dụng và hệ thống hiện hữu của Bên mời thầu. Trong trường hợp Nhà thầu chào hàng tương đương thì phải cung cấp các tài liệu chứng minh tính tương đương của hàng hóa/dịch vụ và phải có cam kết tính tương thích của hàng hóa/dịch vụ chào tương đương trong quá trình sử dụng, lắp đặt (tương thích cả về thông số kỹ thuật và hình dáng hình học để lắp đặt được vào vị trí thực tế của thiết bị).
- Trong quá trình đánh giá bản báo giá, để đảm bảo tính chính xác của hàng hóa/dịch vụ nhà thầu chào, Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa/dịch vụ (kể cả những hàng hóa/dịch vụ nhà thầu chào đúng loại tham khảo nêu trong YCBG).
- Nhà thầu phải tự khảo sát để có tất cả các thông tin cần thiết cho việc chuẩn bị Bản báo giá. Nhà thầu phải tự chịu mọi chi phí cho việc khảo sát nêu trên và chịu trách nhiệm về những rủi ro có liên quan.

Các tiêu chuẩn về kỹ thuật:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi công việc			
1	Phạm vi bảo dưỡng sửa chữa	Theo đúng yêu cầu tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu tại YCBG	Không đúng yêu cầu tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu tại YCBG
2	Thời gian, địa điểm sửa chữa	Theo đúng biểu phạm vi cung cấp tại Chương II	Không đúng theo biểu phạm vi cung cấp tại Chương II
II. Yêu cầu kỹ thuật về hàng hóa			
1	Các thông số kỹ thuật theo biểu phạm vi bảo dưỡng sửa chữa	Đáp ứng hoặc cao hơn yêu cầu trong phạm vi cung cấp hàng hóa tại Chương II	Không đáp ứng yêu cầu trong phạm vi cung cấp tại Chương II

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
III. Chế độ bảo hành			
1	Nhà thầu có cam kết thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao dịch vụ.	Có cam kết	Không có cam kết

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí kỹ thuật được đánh giá là đạt.

Báo giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí kỹ thuật được đánh giá là đạt.

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng theo yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (chưa bao gồm thuế VAT);

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (chưa bao gồm thuế VAT));

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: YCBG có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và

giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác của các nhà thầu vượt qua đánh giá về kỹ thuật; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng, bảng tiến độ thực hiện, bảng chào giá hàng hóa theo mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác nhưng chưa bao gồm thuế VAT. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Bản Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- 1) Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
- 2) Bảng tiến độ thực hiện Mẫu số 2 Chương III;
- 3) Bảng chào giá hàng hóa Mẫu số 3 Chương III;
- 4) Các nội dung cần thiết khác:
 - Hồ sơ/tài liệu chứng minh về việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật được nêu tại Chương II của Yêu cầu báo giá.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận YCBG.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Bản báo giá

1. Nhà thầu phải nộp Bản báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai không được muộn hơn 14h00 ngày 10/06/2025. Các Bản báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được công bố trên website của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

- Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B sẽ chuyển cho Bên A một thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị tương đương với 3% giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT với thời hạn 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi hai bên ký biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng.

- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B do việc không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

- Trong thời gian bảo hành, Bên mời thầu cần thông báo cho nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới dịch vụ do lỗi của nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của mình trong khoảng thời gian được Bên mời thầu quy định.

- Trong trường hợp nhà thầu không khắc phục sai sót trong thời gian được Bên mời thầu quy định, Bên mời thầu có thể tổ chức khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và đưa vào khai thác, sử dụng.

Mục 13. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Luật đấu thầu.

CHƯƠNG II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Mục 1. Giới thiệu chung về gói thầu

- a. Phạm vi công việc của gói thầu: Cung cấp phụ tùng vật tư và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa xe cầu 30 tấn Tadano NMĐ Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2).
- b. Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Ấp 3 xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mục 2. Nội dung công việc.

1. Thời gian, địa điểm giao hàng phụ tùng vật tư và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa:

- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;
- Địa điểm giao hàng phụ tùng vật tư và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa: Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. Mục tiêu công việc

2.1. Phạm vi công việc:

Nhà thầu cung cấp phụ tùng vật tư và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa xe cầu 30 tấn Tadano NMĐ Nhơn Trạch 2 như bảng sau:

Stt	Nội dung BDSC	Tên và quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
I.	Kiểm tra, bơm mỡ bôi trơn các chi tiết – Greasing			
1	Bảo dưỡng, bơm mỡ cần trục	TNR (mỡ bôi trơn chính hãng của TADANO)	vị trí	15
2	Bảo dưỡng, bơm mỡ các sợi dây, móc và trục cuốn cáp cầu	Mobilarma 798	vị trí	4
3	Bảo dưỡng, bơm mỡ các bạc đạn quay cần trục	Shell Alvania EP Grease 2	cái	4
4	Bảo dưỡng, bơm mỡ hộp số quay cần trục	Shell Alvania EP Grease 2	cái	1
5	Bảo dưỡng, bơm mỡ các chốt của cần trục	Shell Alvania EP Grease 2	vị trí	9
6	Bảo dưỡng, bơm mỡ các móc cầu	Shell Alvania EP Grease 2	cái	3
7	Bảo dưỡng, bơm mỡ chân chống thủy lực	Shell Alvania EP Grease 2	cái	4
8	Bảo dưỡng, bơm mỡ các khớp nối trục truyền động	Shell Alvania EP Grease 2	vị trí	9
9	Bảo dưỡng, bơm mỡ hệ thống treo	Shell Sunlight grease MB2	vị trí	24
10	Bảo dưỡng, bơm mỡ hệ thống lái	Shell Alvania EP Grease 2	vị trí	16

Stt	Nội dung BDSC	Tên và quy cách vật tư	Đơn vị	Số
II. Thay dầu bôi trơn bánh răng hộp số – Gear Oil				
1	Thay dầu hộp giảm tốc tời nâng cần trục/ Winch speed reducer (02 cái) (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Mobil pegasus Gear oil 80 - Type: API Service Class GL-4 - A80W90 SHL SUPPER GEAR GL5 (20L/ Can)	lít	6
2	Thay dầu bộ giảm tốc xoay cần trục/ Swing speed reducer (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Mobil gear 600XP 320 - Type: ISO VG 320 - A80W90 SHL SUPPER GEAR GL5 (20L/ Can)	lít	1,6
3	Thay dầu hộp số cầu/ Carrier axle (02 cái) (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Idemitsu Apolloil Gear HE-90S - Type: API Service Class GL-5 - A80W90 SHL SUPPER GEAR GL5 (20L/ Can)	lít	26
4	Thay dầu hộp số bánh răng vệ tinh/ Planetary gear (04 cái) (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Idemitsu Apolloil Gear HE-90S - Type: API Service Class GL-5 - A80W90 SHL SUPPER GEAR GL5 (20L/ Can)	lít	12
III. Bảo dưỡng động cơ xe – Engine				
1	Thay nhớt động cơ/ Replace oil (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Shell Rimula X - SAE 15W-40 - Type: API Service Class CH-4 hoặc CF - Castrol CRB Turbomax 20W50 (5L* 4 cans)	lít	15
2	Thay lọc gió động cơ/ Replace air filter (parts no: 34782027510)	Element (parts no: 34782027510)	cái	1
3	Thay nước làm mát động cơ/ Cooling water (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Long - life coolant (nước làm mát chính hãng TADANO) Shell Coolant Longlife Plus (4L* 7 cans)	lít	26
IV. Bảo dưỡng bộ biến mô thủy lực/ Torque converter system				
1	Thay dầu hộp số và bộ biến mô thủy lực/ Replace oil torque converter, transmission (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Mobil ATF - GM Dexlon II hoặc Ford M2C33F - Mobil ATF 220 Syntech (20L* 2 can)	lít	33

Stt	Nội dung BDSC	Tên và quy cách vật tư	Đơn vị	Số
V.	Hệ thống nhiên liệu – Fuel System			
	- Thay các lọc nhiên liệu tồn kho		gói	1
VI.	Hệ thống phanh/ Brake System			
1	Thay dầu phanh/ Replace fluid brake (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Dầu phanh DOT-5.1 Mobil Brake Fluid DOT 4 (500ml)	lít	1,7
2	Thay hạt hút ẩm bộ sấy khí nén/ Replace desiccating agent Lọc hút ẩm khí nén / FILTER (REPAIR KIT)	Desiccating agent (Parts no: 36870365051)	cái	1
VII.	Hệ thống thủy lực/ Hydraulic System			
1	Thay dầu thủy lực/ Hydraulic oil (Hàng tương đương - tại Việt Nam SHL SUPER HYDRO 46 (200L*3 phi))	TADANO Hydraulic oil tank/ SHL SYNTHDRO AW46 - Type: ISO VG46 - Nhiệt độ vận hành: 0- 700C - Giới hạn nhiệt độ: -50C – 800C	lít	523
2	Thay lọc dầu đường ống hồi về thùng/ Return filter (Parts no: 366-701-09511)	Filter lement (Parts no: 366-701-09511)	cái	1
3	Thay lọc thông hơi thùng dầu thủy lực/ Air breath (hydraulic oil tank) Parts no: 366-600-07511	Element (Parts no: 366- 600-07511)	cái	1
4	Thay lọc đường ống dầu/ automatic stop circuit (parts no: 366-455-45010)	Filter element (parts no: 366-455-45010)	cái	2
5	Thay lọc đường ống dầu càng đỡ thủy lực/ steering circuit	Filter element	cái	1
6	Thay lọc đường ống dầu/ winch brake circuit	Filter element	cái	2
7	Thay lọc đường ống dầu steering/axle clock circuit	Filter element	cái	1
8	Thay lọc đường ống dầu hydraulic pilot circuit	Filter element	cái	1
VIII.	Hệ thống điều hòa không khí			
1	Thay bộ lọc không khí bên ngoài/ Outside air filter (parts no:	Filter (parts no: 36320562160)	cái	1

Stt	Nội dung BDSC	Tên và quy cách vật tư	Đơn vị	Số
	36320562160)			
2	Thay bình chứa dầu phanh/ TANK BRAKE FLUID (parts no: 34921313000)	TANK BRAKE FLUID (parts no: 34921313000)	cái	2
3	Thay gạt mưa kính lái BLADE/ WIPER ASSY	BLADE/ WIPER ASSY	cái	1
4	Thay gạt mưa kính quan sát phía trên BLADE/ WIPER ASSY	BLADE/ WIPER ASSY	cái	1
IX	Nhân công bảo dưỡng sửa chữa, thay thế phụ tùng vật tư Trọn gói		Trọn gói	1

2.2. Thiết bị thi công:

- Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ các máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ để đảm bảo hoàn thành công việc theo yêu cầu của YCBG.
- Trong trường hợp cần thiết, nhà thầu có thể liên hệ chủ đầu tư để khảo sát, lấy thông tin cần thiết cho việc chuẩn bị hồ sơ YCBG (các thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận chuyển phù hợp). Nhà thầu phải chịu mọi chi phí khảo sát nêu trên và chịu trách nhiệm về những rủi ro có liên quan.

Mục 3. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm vận chuyển và bốc xếp hàng từ phương tiện vận chuyển xuống cửa kho của PVPower NT2, tại ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Toàn bộ chi phí giao hàng/nghiệm thu do Nhà thầu chịu.

Mục 4. Kiểm tra và thử nghiệm

PVPower NT2 hoặc đại diện của PVPower NT2 có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa/dịch vụ được cung cấp để đảm bảo hàng hóa/dịch vụ đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian sẽ do PVPower NT2 thông báo trước và được Nhà thầu thống nhất chấp thuận.

Trường hợp hàng hóa/dịch vụ không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì PVPower NT2 có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa/dịch vụ không phù hợp, PVPower NT2 có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm dịch vụ của PVPower NT2 không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

Trong trường hợp không thống nhất được quan điểm giữa hai Bên về phương pháp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa/dịch vụ hoặc Nhà thầu không chứng minh được về chất lượng hàng hóa/dịch vụ thì hai Bên thống nhất mời một đơn vị độc lập có chức năng thực hiện công tác này, chi phí do Nhà thầu chịu.

Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa/dịch vụ: Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG ⁽¹⁾

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ____

- Số đăng ký kinh doanh: ____

cam kết thực hiện gói thầu ____ với các thông tin chính như sau:

Theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____.

Thời gian thực hiện gói thầu là 60 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

Hiệu lực của báo giá: ____

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương IV.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TIẾN ĐỘ GIAO HÀNG
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa theo yêu cầu phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

STT	Thời gian giao hàng và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian giao hàng và thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa do nhà thầu đề xuất
	60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG CHÀO GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

STT	Danh mục hàng hóa, dịch vụ	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT)	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT)	Thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Hàng hóa, dịch vụ thứ 1								M1*		M1
...											
n	Hàng hóa, dịch vụ thứ 1 thứ n								Mn*		Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) nhưng chưa bao gồm thuế VAT									(M*)		
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT											(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Nhà thầu điền nội dung bảng giá chào của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương V.
- Thành tiền M1*, ... Mn*, (M*) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế VAT sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT.

CHƯƠNG IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];

- Căn cứ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP]¹;

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá của Nhà thầu;
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Phối hợp, hướng dẫn Bên A trong quá trình chỉnh sửa, chạy thử.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ bằng đồng Việt Nam. Giá hợp đồng là cố định. Trường hợp tăng hoặc giảm phạm vi công việc của Hợp đồng, hai bên sẽ ký phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, giá hợp đồng được thay đổi trên cơ sở khối lượng công việc tăng hoặc giảm].

2. Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

3. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

4. Điều kiện và tiến độ thanh toán:

- Tạm ứng: Không tạm ứng.
- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.
- Số lần thanh toán: 01 đợt.

5. Hồ sơ thanh toán:

- Một (01) công văn đề nghị thanh toán (bản gốc);
- Một (01) Hoá đơn GTGT hợp pháp (bản gốc);
- Một (01) Bản gốc thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản (Số tài khoản: 006704070001112 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh – Chi nhánh Cộng Hòa, người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận;
- Một (01) Biên bản giao nhận hàng hóa; Một (01) Biên bản nghiệm thu hàng hóa ký bởi đại diện hai bên (bản gốc);
- Một (01) Biên bản nghiệm thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ký bởi đại diện hai bên (bản gốc)
- Một (01) Giấy bảo hành hàng hóa/dịch vụ của nhà thầu;
- Một (01) Bản gốc/Bản điện tử (kèm đường link hoặc mã QR để kiểm tra) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp. Bên B được cung cấp Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất đối với phần hàng hóa mà nhập khẩu cùng các hàng hóa khác không thuộc hợp đồng này;
- Một (01) Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) do nhà sản xuất cấp cho mục hàng hóa yêu cầu của hợp đồng này;
- Một (01) Biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng;
- Tài liệu kỹ thuật (nếu có).

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện gói thầu

Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 8. Điều chỉnh hợp đồng

1. Việc điều chỉnh hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi thời gian thực hiện gói thầu;

c) Các nội dung khác _____[Ghi nội dung]

2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung

hợp đồng trong trường hợp điều chỉnh hợp đồng.

Điều 9. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

– Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B sẽ chuyển cho Bên A một thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị tương đương với 3% giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT với thời hạn 210 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi hai bên ký biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng.

– Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B do việc không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

– Trong thời gian bảo hành, Bên mời thầu cần thông báo cho nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới dịch vụ do lỗi của nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của mình trong khoảng thời gian được Bên mời thầu quy định.

– Trong trường hợp nhà thầu không khắc phục sai sót trong thời gian được Bên mời thầu quy định, Bên mời thầu có thể tổ chức khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

– Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và đưa vào khai thác, sử dụng.

Điều 10. Bảo quyền hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

Điều 11. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa/dịch vụ như sau: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công việc vận hành, chạy thử hệ thống thiết bị liên quan.

Điều 12. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

– Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;

– Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

– Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

– Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;

– Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục này, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

b) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:

– Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo hợp đồng về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán.

– Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, Nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng.

2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.

Điều 13. Bất khả kháng

1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ

hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: *[Ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: *[Ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp (tòa án, trọng tài), chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...]*.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành bộ, chủ đầu tư giữ bộ, nhà thầu giữ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Stt	Nội dung BDSC	Tên và quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
I.	Kiểm tra, bơm mỡ bôi trơn các chi tiết – Greasing			
1	Bảo dưỡng, bơm mỡ cần trục	TNR (mỡ bôi trơn chính hãng của TADANO)	vị trí	15
2	Bảo dưỡng, bơm mỡ các sợi dây, móc và trục cuốn cáp cầu	Mobilarma 798	vị trí	4
3	Bảo dưỡng, bơm mỡ các bạc đạn quay cần trục	Shell Alvania EP Grease 2	cái	4
4	Bảo dưỡng, bơm mỡ hộp số quay cần trục	Shell Alvania EP Grease 2	cái	1
5	Bảo dưỡng, bơm mỡ các chốt của cần trục	Shell Alvania EP Grease 2	vị trí	9
6	Bảo dưỡng, bơm mỡ các móc cầu	Shell Alvania EP Grease 2	cái	3
7	Bảo dưỡng, bơm mỡ chân chống thủy lực	Shell Alvania EP Grease 2	cái	4
8	Bảo dưỡng, bơm mỡ các khớp nối trục truyền động	Shell Alvania EP Grease 2	vị trí	9
9	Bảo dưỡng, bơm mỡ hệ thống treo	Shell Sunlight grease MB2	vị trí	24
10	Bảo dưỡng, bơm mỡ hệ thống lái	Shell Alvania EP Grease 2	vị trí	16
II.	Thay dầu bôi trơn bánh răng hộp số – Gear Oil			
1	Thay dầu hộp giảm tốc tời nâng cần trục/ Winch speed reducer (02 cái) (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Mobil pegasus Gear oil 80 - Type: API Service Class GL-4 - A80W90 SHL SUPPER GEAR GL5 (20L/ Can)	lít	6
2	Thay dầu bộ giảm tốc xoay cần trục/ Swing speed reducer (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Mobil gear 600XP 320 - Type: ISO VG 320 - A80W90 SHL SUPPER GEAR GL5 (20L/ Can)	lít	1,6
3	Thay dầu hộp số cầu/ Carrier axle (02 cái) (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Idemitsu Apolloil Gear HE-90S - Type: API Service Class GL-5	lít	26

Stt	Nội dung BDSC	Tên và quy cách vật tư	Đơn vị	Số
		- A80W90 SHL SUPPER GEAR GL5 (20L/ Can)		
4	Thay dầu hộp số bánh răng vệ tinh/ Planetarry gear (04 cái) (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Idemitsu Apolloil Gear HE-90S - Type: API Service Class GL-5 - A80W90 SHL SUPPER GEAR GL5 (20L/ Can)	lít	12
III. Bảo dưỡng động cơ xe – Engine				
1	Thay nhớt động cơ/ Replace oil (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Shell Rimula X - SAE 15W-40 - Type: API Service Class CH-4 hoặc CF - Castrol CRB Turbomax 20W50 (5L* 4 cans)	lít	15
2	Thay lọc gió động cơ/ Replace air filter (parts no: 34782027510)	Element (parts no: 34782027510)	cái	1
3	Thay nước làm mát động cơ/ Cooling water (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Long - life coolant (nước làm mát chính hãng TADANO) Shell Coolant Longlife Plus (4L* 7 cans)	lít	26
IV. Bảo dưỡng bộ biến mô thủy lực/ Torque converter system				
1	Thay dầu hộp số và bộ biến mô thủy lực/ Replace oil torque converter, transmission (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Mobil ATF - GM Dexlon II hoặc Ford M2C33F - Mobil ATF 220 Syntech (20L* 2 can)	lít	33
V. Hệ thống nhiên liệu – Fuel System				
	- Thay các lọc nhiên liệu tồn kho		gói	1
VI. Hệ thống phanh/ Brake System				
1	Thay dầu phanh/ Replace fluid brake (Hàng tương đương - tại Việt Nam)	Dầu phanh DOT-5.1 Mobil Brake Fluid DOT 4 (500ml)	lít	1,7
2	Thay hạt hút ẩm bộ sấy khí nén/ Replace desiccating agent Lọc hút ẩm khí nén / FILTER (REPAIR KIT)	Desiccating agent (Parts no: 36870365051)	cái	1

Stt	Nội dung BDSC	Tên và quy cách vật tư	Đơn vị	Số
VII.	Hệ thống thủy lực/ Hydraulic System			
1	Thay dầu thủy lực/ Hydraulic oil (Hàng tương đương - tại Việt Nam SHL SUPER HYDRO 46 (200L*3 phi))	TADANO Hydraulic oil tank/ SHL SYNTHDRO AW46 - Type: ISO VG46 - Nhiệt độ vận hành: 0- 700C - Giới hạn nhiệt độ: -50C - 800C	lít	523
2	Thay lọc dầu đường ống hồi về thùng/ Return filter (Parts no: 366-701-09511)	Filter lement (Parts no: 366-701-09511)	cái	1
3	Thay lọc thông hơi thùng dầu thủy lực/ Air breath (hydraulic oil tank) Parts no: 366-600-07511	Element (Parts no: 366- 600-07511)	cái	1
4	Thay lọc đường ống dầu/ automatic stop circuit (parts no: 366-455-45010)	Filter element (parts no: 366-455-45010)	cái	2
5	Thay lọc đường ống dầu càng đỡ thủy lực/ steering circuit	Filter element	cái	1
6	Thay lọc đường ống dầu/ winch brake circuit	Filter element	cái	2
7	Thay lọc đường ống dầu steering/axle clock circuit	Filter element	cái	1
8	Thay lọc đường ống dầu hydraulic pilot circuit	Filter element	cái	1
VIII.	Hệ thống điều hòa không khí			
1	Thay bộ lọc không khí bên ngoài/ Outside air filter (parts no: 36320562160)	Filter (parts no: 36320562160)	cái	1
2	Thay bình chứa dầu phanh/ TANK BRAKE FLUID (parts no: 34921313000)	TANK BRAKE FLUID (parts no: 34921313000)	cái	2
3	Thay gạt mưa kính lái BLADE/ WIPER ASSY	BLADE/ WIPER ASSY	cái	1
4	Thay gạt mưa kính quan sát phía trên BLADE/ WIPER ASSY	BLADE/ WIPER ASSY	cái	1
IX	Nhân công bảo dưỡng sửa chữa, thay thế phụ tùng vật tư Trọn gói		Trọn gói	1



[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp]